

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ HL VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ HL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HL VIETNAM INVESTMENT SERVICE TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HL VIETNAM JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110054054

**3. Ngày thành lập:** 06/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 10, ngách 22/16 ngõ 22 phố Tân Thụy, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983051695

Fax:

Email: buiquanganh20102015@gmail.com Website: com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                             | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Loại Nhà nước cho phép)                                                                               | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                   | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                               | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                 | 4633     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc, đồ bảo hộ lao động                                                                                      | 4641     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn đồ lưu niệm                                                                                              | 4669     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                       | 8230     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 8299     |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                            | 7320     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                     | 7710        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                    | 4711        |
| 14. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm                                                                                                                                                           | 4719        |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                          | 4721        |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4722        |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                             | 4723        |
| 18. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                             | 1410        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                           | 1420        |
| 20. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                       | 1430        |
| 21. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                              | 1511        |
| 22. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                             | 1512        |
| 23. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                         | 1520        |
| 24. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                   | 4782        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                     | 5229        |
| 26. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                  | 5510        |
| 27. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                         | 5590        |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                      | 5610        |
| 29. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng                                                                                                                                                                                | 5621        |
| 30. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                       | 5629        |
| 31. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không gồm các hoạt động kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường)                                                                                                                                                               | 5630        |
| 32. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                             | 7911        |
| 33. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế                                                                                                                                                                           | 7912(Chính) |
| 34. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá<br>và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                     | 7990        |
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4771        |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ<br>nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ Bán lẻ súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động kinh<br>doanh vàng miếng) | 4773        |

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | BÙI VĂN<br>MINH | Phòng 503, số nhà<br>90 Phùng<br>Khoang, Phường<br>Trung Văn, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000         | 10.000.000               | 1,000        | 0360790000<br>42                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Tổng số                            | 1.000         | 10.000.000               | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | BÙI VĂN<br>BÌNH | Số nhà 10, ngõ<br>22/16 phố Tân<br>Thụy, Phường<br>Phúc Đồng, Quận<br>Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 59.000        | 590.000.000              | 59,000       | 0360800251<br>89                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     | Tổng số                            | 59.000        | 590.000.000              | 59,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                                 |                           |        |             |        |           |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 3 | ĐỖ THỊ HỒNG LOAN | Số nhà 10, ngõ 22/16 phố Tân Thụy, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 | 163031626 |
|   |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                 | Tổng số                   | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 |           |
|   |                  |                                                                                                 |                           |        |             |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/10/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036080025189

Ngày cấp: 16/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Phương, Xã Kim Thái, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 10, ngõ 22/16 phố Tân Thụy, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội